TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ QUẢNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Hà Nam
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đàm Danh Tuyên
2. Bà Tô Thị Thi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lô Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số 09/2024/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05-08-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Mùi P, sinh năm 1998; địa chỉ ĐKHKTT: xóm N, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ tạm trú và nơi ở hiện nay: thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lục Thị H -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Phụ K, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm N, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Đặng Mùi L, sinh năm 1969;

2. Ông Đặng Quầy V, sinh năm 1967;

3. Chị Đặng Mùi L1, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ ĐKHKTT: xóm N, xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng; địa chỉ tạm

trú và nơi ở hiện nay: thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Đều vắng mặt có lý do.

4. Người phiên dịch tiếng Dao: Bà Triệu Thị P1, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ F, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20-3-2024 và bản tự khai, biên bản hoà giải tại toà án, nguyên đơn chị Đặng Mùi P trình bày:

Chị P và anh Đặng Phụ K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10-10-2016 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng, hôn nhân không được tìm hiểu, do bố mẹ mai mối, cưới hỏi. Chị P và anh K bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 nhưng chưa đăng ký kết hôn đến năm 2016 mới đăng ký kết hôn. Từ năm 2016, anh K bắt đầu đi đánh bạc nên hai người xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình và họ hàng khuyên ngăn nhưng anh K vẫn tiếp tục đánh bạc nên hai vợ chồng không còn tiếng nói chung với nhau nữa. Từ năm 2022 đến nay, chị P và anh K sống ly thân. Trong thời thời gian ly thân chị P và anh K cũng không liên lạc với nhau, chị P xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: chị P và anh K có một con chung là cháu Đặng Mùi P2 (sinh ngày 01-10-2015), hiện nay đang ở với chị P tại thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Trong trường hợp ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Mùi P2 và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp của anh K vào tài sản chung của gia đình chị P đồng ý trả cho anh K 20.000.000 đồng.

Trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18-6-2024 và các ý kiến tiếp theo, bị đơn anh Đặng Phụ K trình bày:

Về quá trình tiến tới kết hôn đúng như chị P trình bày. Nếu chị P đồng ý trả công lao 10 năm làm rể có đóng góp công sức tạo lập tài sản chung của gia đình thì tôi nhất trí ly hôn, nếu chị P không đồng ý trả công lao đóng góp công sức tạo lập tài sản chung của gia đình cho anh K thì anh K không nhất trí ly hôn với chị Đặng Mùi P. Số tiền anh K đề nghị được trả công sức là 150.000.000 đồng.

Về con chung: anh K xác nhận vợ chồng có một con chung như chị P trình bày, nếu ly hôn anh K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Mùi P2 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Nguyên đơn và Bị đơn đều thống nhất ý kiến, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia trong các giai đoạn tố tụng và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, Người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và ý kiến xin xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị P thay đổi không đồng ý trả tiền công sức đóng góp cho anh K vì thực tế hai vợ chồng không làm ra tài sản chung.

Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P. Về con chung, Cháu Đặng Mùi P2 là con gái, chị P nuôi bé phát triển bình thường, nguyện vọng của cháu P2 muốn ở với mẹ, đề nghị Hội đồng xét xử để chị Đặng Mùi P được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị P theo quy định của pháp luật. Về yêu cầu trả công sức đóng góp vào tạo lập tài sản chung của gia đình của anh K, chị P và bố mẹ không đồng ý, anh K không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị P được ly hôn với anh Đặng Phụ K; Về con chung, giao con chung là cháu Đặng Mùi P2 cho chị Đặng Mùi P trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung không có yêu cầu nên không để nghị xem xét giải quyết; Về công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản chung của gia đình bị đơn yêu cầu do không có căn cứ chấp nhận đề nghị không xem xét giải quyết; Về án phí, chị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Quảng tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Ngày 21-3-2024, nguyên đơn chị Đặng Mùi P gửi Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn: Chị P và anh Đặng Phụ K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Cao Bằng đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ xác định chị P anh K sống chung từ năm 2013 đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã, ban đầu hôn nhân hạnh phúc, về sau anh K bắt đầu đi đánh bạc thì vợ chồng anh, chị thường xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được gia đình và họ hàng khuyên ngăn nhưng anh K vẫn tiếp tục đánh bạc nên hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, chị P từng làm đơn xin ly hôn anh K nhưng đã rút đơn để tạo cơ hội cho anh K nhưng hai bên không hàn gắn được, từ năm 2022 tới nay đã sống ly thân và không liên lạc. Việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được gia đình, hàng xóm hòa giải nhiều lần, tuy nhiên không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, chị P khẳng định tình cảm với C đã hết và kiên quyết ly hôn.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh K mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn.

[4] Về con chung: Con chung của A, Chị là cháu Đặng Mùi P2 (sinh ngày 01-10-2015), theo đơn khởi kiện chị P yêu cầu sau khi ly hôn là người trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Tại phiên hòa giải và biên bản lấy lời khai anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Tại toà án cháu Đặng Mùi P2 có lời khai dưới sự chứng kiến của đại diện hợp pháp, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bộ mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, Đặng Mùi P2 từ nhỏ đến nay chủ yếu được Mẹ chăm sóc, nuôi dạy. Nguyên đơn có thu nhập, đảm bảo điều kiện, nuôi dạy con. Cháu P2 là con gái để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý, quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của con là mong muốn được ở với Mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét quyết định.

Về công sức đóng góp: Quá trình lấy lời khai cũng như hoà giải tại toà án, Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 150.000.000 đồng là công sức đóng góp tạo dựng nhà, mua đất ruộng khi sống chung với gia đình. Nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai, Bị đơn không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, chủ yếu là làm nông nghiệp, khi sống chung Bị đơn không có đóng góp hình thành nên tài sản chung mà còn để gia đình nhiều lần trả nợ đánh bạc, nhà dựng năm 2020 không có công sức đóng góp của Bị đơn, ruộng đất đã mua từ năm 2010 trước khi Bị đơn về sống chung. Hội đồng xét xử thấy rằng Bị đơn yêu cầu hoàn trả số tiền công sức đóng góp nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên nguyên đơn là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng khó khăn có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Các điều 28, 35, 39, 147, 203, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Mùi P. Chị Đặng Mùi P được ly hôn anh Đặng Phụ K.

2. Về con chung

Chị Đặng Mùi P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Mùi P2 (sinh ngày 01-10-2015) cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có yêu cầu thay đổi khác. Xác nhận, hiện tại cháu Đặng Mùi P2 đang ở với chị Đặng Mùi P.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Đặng Mùi P, về việc không yêu cầu bị đơn Đặng Phụ K cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét quyết định.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đặng Mùi P, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001869 ngày 17-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Quảng cho chị Đặng Mùi P (Địa chỉ: thôn L, xã X, huyện P, tỉnh Bắc Kạn).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành ản dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần quyền lợi liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Sơn (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- VKSND huyện Hà Quảng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Hà Nam